

CHI PHÍ ĐIỀU TRỊ LÁC VÀ CÁC TẬT KHÚC XẠ CHO TRẺ DƯỚI 18 TUỔI TẠI BỆNH VIỆN MẮT HÀ NỘI VÀ BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ ĐÔNG NĂM 2023

Ong Thế Duệ, Đỗ Thị Quỳnh Trang, Đỗ Trà My,
Đào Anh Sơn[✉], Nguyễn Khánh Phương
Viện Chiến lược và Chính sách Y tế, Bộ Y tế

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá chi trả theo bảo hiểm cho điều trị lác và các tật khúc xạ ở trẻ dưới 18 tuổi.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu hồi cứu được thực hiện dựa trên phơi thanh toán chi phí khám chữa bệnh cho trẻ dưới 18 tuổi trong năm 2023 tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội, trong bối cảnh đề xuất sửa đổi Luật Bảo hiểm y tế năm 2024. Dự thảo luật này mở rộng phạm vi chi trả bảo hiểm cho các bệnh lý về lác và tật khúc xạ ở trẻ dưới 18 tuổi nhằm nâng cao hiệu quả điều trị và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế.

Kết quả: Tại Bệnh viện Mắt Hà Nội, chi phí điều trị ngoại trú trung bình lần lượt là: Lác 217.061 ± 148.843 đồng, Viễn thị 206.099 ± 158.581 đồng, Cận thị 273.706 ± 150.038 đồng, Loạn thị 234.936 ± 2.495 đồng, Rối loạn điều tiết 238.579 ± 102.469 đồng. Tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, chi phí trung bình thấp hơn: Lác 138.615 ± 176.298 đồng, Viễn thị 151.041 ± 126.140 đồng, Cận thị 176.317 ± 148.456 đồng, Loạn thị 128.275 ± 101.270 đồng, Rối loạn điều tiết 188.902 ± 119.753 đồng, Rối loạn khúc xạ khác 188.205 ± 211.432 đồng. Chi phí điều trị nội trú trung bình tại Bệnh viện Mắt Hà Nội là $1.667.446 \pm 701.333$ đồng.

Kết luận: Chính sách BHYT mới này sẽ giúp người dân, đặc biệt là nhóm học đường, dễ dàng tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng, giảm thiểu gánh nặng tài chính và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Từ khoá: Bảo hiểm y tế, bệnh hiểm nghèo, lác, tật khúc xạ.

ABSTRACT

Objective: To estimate the economic impact of increasing the coverage rate of health insurance (HI) payments for the treatment of strabismus and refractive errors in children under 18 years old.

¹Chịu trách nhiệm chính: Đào Anh Sơn, Viện Chiến lược và Chính sách Y tế

Email: anhson.hmu@gmail.com

Ngày gửi bài: 20/3/2025; Ngày nhận xét: 25/4/2025; Ngày duyệt bài: 26/10/2025

<https://doi.org/10.54804/>

Subject and methods: A retrospective study was conducted based on reimbursement records for medical costs of children under 18 years old in 2023 at Ha Dong General Hospital and Hanoi Eye Hospital. The study was conducted in the context of the 2024 proposed amendment to Vietnam's Health Insurance Law, which aims to expand insurance coverage for the treatment of strabismus and refractive errors in individuals under 18 years old to improve accessibility and treatment outcomes.

Results: At Hanoi Eye Hospital, the average outpatient treatment costs were: strabismus 217,061 ± 148,843 VND, hyperopia 206,099 ± 158,581 VND, myopia 273,706 ± 150,038 VND, astigmatism 234,936 ± 2,495 VND, and accommodation disorder 238,579 ± 102,469 VND. At Ha Dong General Hospital, the costs were lower: strabismus 138,615 ± 176,298 VND, hyperopia 151,041 ± 126,140 VND, myopia 176,317 ± 148,456 VND, astigmatism 128,275 ± 101,270 VND, accommodation disorder 188,902 ± 119,753 VND, and other refractive disorders 188,205 ± 211,432 VND. The average inpatient treatment cost at Hanoi Eye Hospital was 1,667,446 ± 701,333 VND.

Conclusion: The new health insurance policy is expected to enable easier access to quality healthcare services, particularly for school-aged children, reduce financial burdens, and improve the quality of life.

Keywords: Health insurance, critical illness, strabismus, refractive errors.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau 15 năm thực hiện, Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) đã thực sự đi vào cuộc sống, khẳng định tính đúng đắn, tính phù hợp trong lựa chọn chính sách tài chính y tế thông qua BHYT [1]. Công tác quản lý nhà nước về BHYT ngày càng được tăng cường, công tác tuyên truyền về BHYT đã đi vào chiều sâu, đổi mới về hình thức và đã huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Tuy nhiên, quá trình triển khai thi hành Luật BHYT đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, bất cập về đối tượng tham gia BHYT; phạm vi được hưởng, tỷ lệ hưởng của người tham gia BHYT khám chữa bệnh (KCB) trái tuyến; đăng ký KCB ban đầu và chuyển tuyến KCB BHYT; vai trò của y tế cơ sở trong KCB BHYT; tạm ứng, thanh quyết toán giữa cơ sở KCB và cơ quan bảo hiểm xã hội; tỷ lệ trích chi phí quản lý quỹ BHYT

[2]... Nhiều quy định của các Luật, Nghị định, chính sách mới ban hành đòi hỏi cần sửa đổi, bổ sung Luật BHYT đồng bộ [3].

Nhằm mục tiêu sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT để giải quyết các vướng mắc, bất cập phát sinh có tính cấp bách, có đầy đủ thông tin, dữ liệu, đạt sự đồng thuận cao nhằm thực hiện tốt chính sách, pháp luật BHYT, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ BHYT [4]; bảo đảm thống nhất với Luật KCB số 15/2023/QH15 và các luật, các quy định có liên quan để kịp thời có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 [5]; Bộ Y tế triển khai xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT. Một trong bốn nhóm chính sách để thực hiện mục tiêu xây dựng Luật là *Điều chỉnh phạm vi quyền lợi BHYT phù hợp với mức đóng, cân đối quỹ BHYT và yêu cầu chăm sóc sức khỏe trong từng giai đoạn*. Trong đó có quy định về mở rộng độ tuổi điều trị lác,

cận thị và tật khúc xạ của mắt đối với người dưới 18 tuổi để phù hợp về chỉ định chuyên môn và hiệu quả điều trị [6].

Hiện tại, Vụ BHYT đã dự thảo nội dung báo cáo đánh giá tác động chính sách. Tuy nhiên, báo cáo chưa có nhiều thông tin định lượng, đặc biệt trong ước tính những tác động kinh tế của dự thảo chính sách đối với quỹ BHYT, cơ sở y tế (CSYT) và người dân. Do đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu “Chi phí điều trị lác và các tật khúc xạ cho trẻ dưới 18 tuổi tại Bệnh viện Mắt Hà Nội và Bệnh viện đa khoa Hà Đông năm 2023”, nhằm cung cấp thông tin chi phí điều trị trong bảo hiểm, là cơ sở ước tính tác động kinh tế của việc tăng chi phí của quỹ BHYT do mở rộng chi trả cho điều trị lác và các tật khúc xạ ở trẻ dưới 18 tuổi.

2. PHƯƠNG PHÁP VÀ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHUYÊN ĐỀ

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các phôi thanh toán chi phí khám, chữa bệnh cho trẻ dưới 18 tuổi mắc lác và các tật khúc xạ tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội từ tháng 1 đến tháng 12/2023, bao gồm cả điều trị nội trú và ngoại trú.

2.2. Thời gian và Địa bàn khảo sát

Địa bàn: Nghiên cứu tiến hành khảo sát tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội.

Thời gian: Khảo sát được tiến hành từ tháng 10/2024 - tháng 12/2024.

2.3. Phương pháp tiến hành

Biểu mẫu khảo sát dựa trên phôi thanh toán chi phí khám, chữa bệnh tại bệnh

viện, gồm các nhóm chi phí chính: công khám, thuốc, xét nghiệm lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh, phẫu thuật/thủ thuật. Nghiên cứu chỉ tính chi phí do bảo hiểm y tế chi trả và phần bệnh nhân đồng chi trả, không bao gồm chi phí tự nguyện hay các chi phí ngoài danh mục như lưu trú, ăn uống, mua thuốc/trang thiết bị ngoài danh mục. Áp dụng cho cả điều trị nội trú và ngoại trú. Việc phân loại nội trú và ngoại trú dựa vào phôi thanh toán: nội trú khi có ghi nhận ngày nằm viện hoặc chi phí giường bệnh; ngược lại, không có các yếu tố này được xem là ngoại trú.

- **Bước 1:** Tại mỗi đơn vị, tiến hành thu thập 02 biểu mẫu số liệu chi phí điều trị lác và các tật khúc xạ ở trẻ dưới 18 tuổi năm 2023, bao gồm: Biểu mẫu thu thập chi phí điều trị các bệnh Lác, Viễn thị, Cận thị, Loạn thị, Rối loạn điều tiết năm 2023

- **Bước 2:** Rà soát và làm sạch số liệu thu thập tại 02 đơn vị khảo sát trực tiếp

- **Bước 3:** Phân tích số liệu thu thập tại 02 đơn vị khảo sát trực tiếp

- **Bước 4:** Viết báo cáo kết quả

2.4. Phương pháp phân tích số liệu

Dữ liệu từ các biểu mẫu phôi thanh toán được thu thập, làm sạch và nhập vào phần mềm Excel để phân tích. Số liệu được phân tích mô tả và tổng hợp theo loại bệnh (lác, viễn thị, cận thị, loạn thị, rối loạn điều tiết, rối loạn khúc xạ khác), đơn vị y tế (Bệnh viện Mắt Hà Nội, Bệnh viện Đa khoa Hà Đông), đối tượng chi trả (BHYT, bệnh nhân đồng chi trả), giới tính và nhóm tuổi (<6 tuổi, 6-18 tuổi). Các chỉ tiêu được tổng hợp dưới dạng giá trị trung bình, tỷ lệ phần trăm, và phân tích so sánh giữa các nhóm nhằm mô tả thực trạng chi phí điều trị năm 2023.

3. KẾT QUẢ

Bảng 1. Số lượt điều trị ngoại lác và các tật khúc xạ tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023

Địa bàn	Đặc điểm	Lác	Viễn thị	Cận thị	Loạn thị	Rối loạn điều tiết	Rối loạn khúc xạ khác
BV Đa khoa Hà Đông (Tổng: 360 lượt)	Giới tính						
	Nam	0 (0,0%)	12 (3,3%)	93 (25,8%)	17 (4,7%)	43 (11,9%)	2 (0,6%)
	Nữ	11 (3,1%)	6 (1,7%)	126 (35,0%)	15 (4,2%)	35 (9,7%)	0 (0,0%)
	Tuổi						
	< 6 tuổi	7 (1,9%)	1 (0,3%)	1 (0,3%)	2 (0,6%)	1 (0,3%)	2 (0,6%)
	6 - 18 tuổi	4 (1,1%)	17 (4,7%)	218 (60,6%)	30 (8,3%)	77 (21,4%)	0 (0,0%)
	Tổng	11 (3,1%)	18 (5,0%)	219 (60,8%)	32 (8,9%)	78 (21,7%)	2 (0,6%)
BV Mắt Hà Nội (Tổng: 75 lượt)	Giới tính						
	Nam	2 (2,7%)	11 (14,7%)	9 (12,0%)	0 (0,0%)	15 (20,0%)	-
	Nữ	7 (9,3%)	10 (13,3%)	4 (5,3%)	2 (2,7%)	15 (20,0%)	-
	Tuổi						
	< 6 tuổi	3 (4,0%)	4 (5,3%)	6 (8,0%)	0 (0,0%)	5 (6,7%)	-
	6 - 18 tuổi	6 (8,0%)	17 (22,7%)	7 (9,3%)	2 (2,7%)	25 (33,3%)	-
	Tổng	9 (12,0%)	21 (28,0%)	13 (17,3%)	2 (2,7%)	30 (40,0%)	-

Bảng 1 cho thấy phân bố số lượt điều trị ngoại trú lác và các tật khúc xạ tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023, phân theo giới tính và nhóm tuổi. Tổng số lượt điều trị được ghi nhận là 360 lượt tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông và 75 lượt tại Bệnh viện Mắt Hà Nội. Tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, bệnh phổ biến nhất là cận thị với 219 lượt, chiếm 60,8% tổng số lượt điều trị, tiếp theo là rối loạn điều tiết (21,7%) và loạn thị (8,9%).

Viễn thị và lác chiếm tỷ lệ thấp hơn, lần lượt 5,0% và 3,1%. Nhóm trẻ 6-18 tuổi chiếm phần lớn số lượt điều trị, đặc biệt ở bệnh cận thị (60,6%) và rối loạn điều tiết (21,4%). Nữ giới chiếm ưu thế trong các bệnh chính, nhất là cận thị (35,0%) và rối loạn điều tiết (9,7%). Tại Bệnh viện Mắt Hà Nội, rối loạn điều tiết chiếm tỷ lệ cao nhất (40,0%), tiếp theo là viễn thị (28,0%) và cận thị (17,3%). Tỷ lệ lác tại đây là 12,0%, cao hơn so với Bệnh viện Đa khoa Hà

Đông. Trẻ 6-18 tuổi cũng chiếm đa số số lượt điều trị tại bệnh viện này (ví dụ rối loạn điều tiết 33,3%, viễn thị 22,7%).

Bảng 2. Số lượt điều trị nội trú lác và các tật khúc xạ tại Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023

Đặc điểm	2023
Giới tính	
Nam	3
Nữ	2
Tuổi	
< 6 tuổi	3
6 - 18 tuổi	2

Bảng 2 thể hiện năm 2023 bệnh viện Mắt Hà Nội ghi nhận 3 ca ở trẻ dưới 6 tuổi

và 2 ca ở nhóm 6-18 tuổi. Tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, bệnh viện không ghi nhận điều trị nội trú do bệnh viện không có thiết kế khoa nội trú chuyên biệt cho điều trị nhóm bệnh này.

Ngoài ra, các bệnh lý mắt thông thường, chẳng hạn như cận thị, viễn thị hoặc rối loạn điều tiết, thường được xử lý bằng phương pháp phát kính và kê đơn thuốc để điều trị tại nhà. Điều này phù hợp với thực tiễn điều trị mắt hiện nay, nơi các phương pháp điều trị không xâm lấn và tiện lợi cho bệnh nhân được ưu tiên. Nhìn chung, mô hình điều trị này phù hợp với nhu cầu khám chữa bệnh của cộng đồng và giúp giảm tải áp lực lên hệ thống nội trú.

Bảng 3. Chi phí điều trị ngoại trú trung bình lác và các tật khúc xạ tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023 (Đơn vị: Đồng)

Địa bàn	Đặc điểm	Lác	Viễn thị	Cận thị	Loạn thị	Rối loạn điều tiết	Rối loạn khúc xạ khác
Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Giới tính						
	Nam	-	130.916 ± 121.951	167.434 ± 136.585	110.938 ± 94.814	193.987 ± 123.197	188.205 ± 211.432
	Nữ	138.615 ± 176.298	191.292 ± 135.880	182.874 ± 156.855	147.924 ± 107.966	182.655 ± 116.860	-
	p	-	0.02	0.04	0.04	0.2	
	Tuổi						
	< 6 tuổi	116.636 ± 143.953	42.100 ± 0	305.110 ± 0	80.651 ± 45.326	215.490 ± 0	188.205 ± 211.432
	6 - 18 tuổi	177.078 ± 243.019	157.450 ± 126.965	175.726 ± 148.539	131.450 ± 103.563	188.557 ± 120.499	-
	p	0.001	-	-	0.001	-	
Chi phí điều trị trung bình	138.615 ± 176.298	151.041 ± 126.140	176.317 ± 148.456	128.275 ± 101.270	188.902 ± 119.753	188.205 ± 211.432	
Bệnh viện Mắt Hà Nội	Giới tính						
	Nam	579.583 ± 700.536	207.317 ± 138.444	27.748 ± 159.529	-	28.426 ± 103.073	-
	Nữ	152.833 ± 1.153.360	207.317 ± 138.444	14.260 ± 119.381	234.936 ± 2.495	243.509 ± 101.977	-
	p	0.001	0.5	0.6	-	0.1873	

Địa bàn	Đặc điểm	Lác	Viễn thị	Cận thị	Loạn thị	Rối loạn điều tiết	Rối loạn khúc xạ khác
	Tuổi						
	< 6 tuổi	100.733 ± 68.231	78.680 ± 41.183	145.450 ± 41.685	-	112.110 ± 74.707	-
	6 - 18 tuổi	275.225 ± 146.307	232.646 ± 161.415	303.884 ± 150.776	234.936 ± 2.495	242.241 ± 100.884	-
	p	0.001	0.001	0.001	-	0.001	
	Chi phí điều trị trung bình	217.061 ± 148.843	106.100 ± 158.581	273.706 ± 150.038	234.936 ± 2.495	38.579 ± 102.469	-

Bảng 3 trình bày chi phí điều trị ngoại trú trung bình đối với các tật khúc xạ tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023, phân theo giới tính và nhóm tuổi. Tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, chi phí điều trị trung bình dao động từ 128.275 ± 101.270 đồng (loạn thị) đến 188.902 ± 119.753 đồng (rối loạn điều tiết). Nhóm nữ có chi phí trung bình cao hơn nam trong hầu hết các bệnh, đặc biệt ở cận thị (182.874 đồng so với 167.434 đồng). Trẻ dưới 6 tuổi có xu hướng chi phí cao hơn, nhất là ở bệnh cận thị (305.110 ± 143.953 đồng so với 175.726 ± 148.539 đồng ở nhóm 6-18 tuổi). Phân tích sơ bộ cho thấy sự khác biệt này có thể có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$). Tuy nhiên, với rối loạn điều tiết, do độ lệch chuẩn bằng 0 ở nhóm

< 6 tuổi, nên không thể xác định sự khác biệt thống kê.

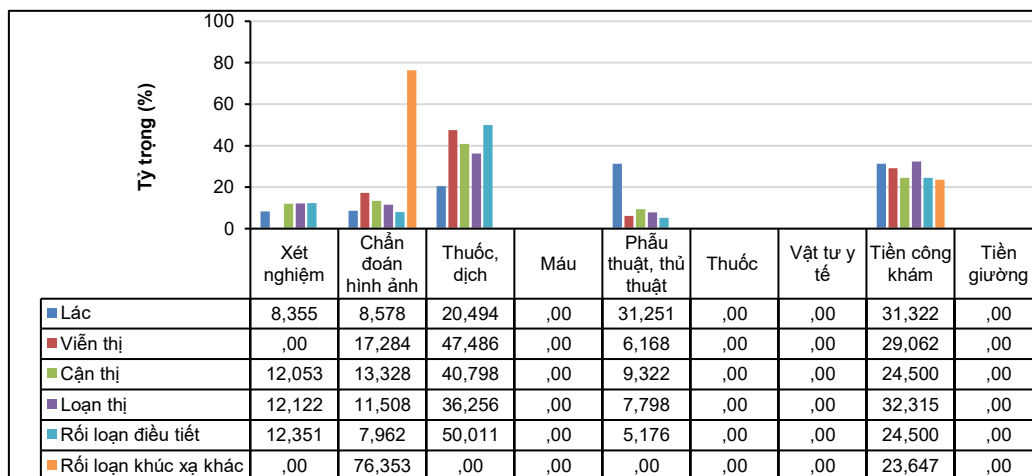
Tại Bệnh viện Mắt Hà Nội, chi phí điều trị trung bình cao hơn rõ rệt, dao động từ 106.100 ± 158.581 đồng (viễn thị) đến 273.706 ± 150.038 đồng (cận thị). Đáng chú ý, trẻ 6-18 tuổi có chi phí điều trị cao hơn đáng kể so với nhóm <6 tuổi, đặc biệt ở cận thị (303.884 đồng so với 145.450 đồng) và rối loạn điều tiết (242.241 đồng so với 112.110 đồng). Các phép kiểm định cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê cao ($p < 0.001$). Ngược lại, sự khác biệt về giới tính là không đáng kể, khi chi phí giữa nam và nữ trong cùng nhóm bệnh gần tương đương, ngoại trừ bệnh lác có mức chênh lệch rõ rệt nhưng mẫu nhỏ ($n = 13$).

Bảng 4. Chi phí điều trị ngoại trú trung bình lác và các tật khúc xạ theo đối tượng chi trả tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023 (Đơn vị: Đồng)

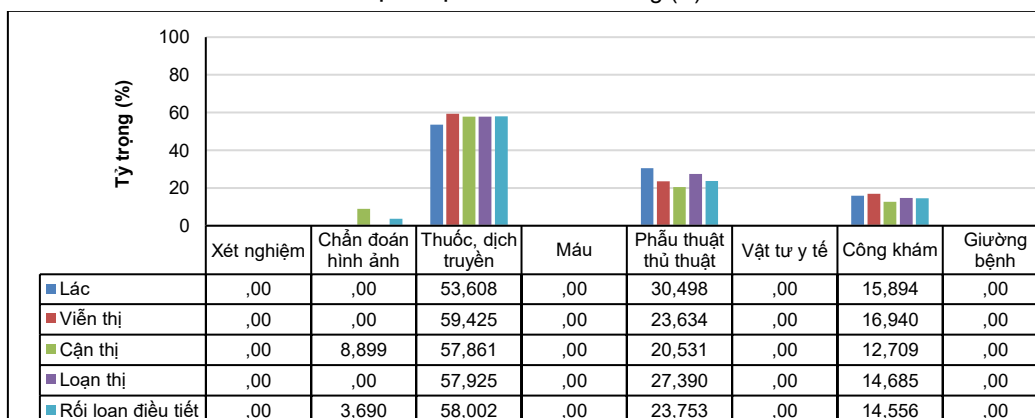
Địa bàn	Chi phí	Lác	Viễn thị	Cận thị	Loạn thị	Rối loạn điều tiết	Rối loạn khúc xạ khác	Tổng chi phí
Bệnh viện đa khoa Hà Đông	BHYT thanh toán	138.615 ± 176.298	139.318 ± 107.966	160.209 ± 114.130	121.989 ± 88.609	175.356 ± 97.581	188.205 ± 211.432	62.072.530
	BN đồng chi trả	-	11.724 ± 26.975	16.108 ± 36.687	6.286 ± 20.168	13.547 ± 29.754	0	57.076.011
	Chi phí trung bình phải chi trả	138.615 ± 176.298	151.041 ± 126.140	176.317 ± 148.456	128.275 ± 101.270	188.902 ± 119.753	188.205 ± 211.432	4.996.519
Bệnh viện Mắt Hà Nội	BHYT thanh toán	217.061 ± 148.843	182.720 ± 122.961	252.077 ± 120.072	234.936 ± 2.495	209.866 ± 76.904	-	147.087.528
	BN đồng chi trả	-	23.380 ± 39.513	21.629 ± 40.908	-	28.525 ± 33.360	-	131.340.490
	Chi phí trung bình phải chi trả	217.061 ± 148.843	106.100 ± 158.581	273.706 ± 150.038	234.936 ± 2.495	38.579 ± 102.469	-	15.747.038

Bảng 4 cho thấy sự khác biệt rõ rệt về chi phí điều trị ngoại trú trung bình lác và các tật khúc xạ theo đối tượng chi trả tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023. Tại Bệnh viện Mắt Hà Nội, chi phí trung bình phải chi trả cao hơn rõ rệt so với Bệnh viện Đa khoa Hà Đông ở hầu hết các bệnh. Cụ thể, chi phí trung bình phải chi trả tại đây lần lượt là: Lác 217.061 ± 148.843 đồng, Viễn thị 106.100 ± 158.581 đồng, Cận thị 273.706 ± 150.038 đồng, Loạn thị 234.936 ± 2.495 đồng, Rối loạn điều tiết 238.579 ± 102.469 đồng. Không ghi nhận chi phí cho rối loạn khúc xạ khác. Ngược lại, tại Bệnh viện Đa

khoa Hà Đông, chi phí trung bình phải chi trả thấp hơn đáng kể, dao động từ 128.275 ± 101.770 đồng (loạn thị) đến 188.902 ± 119.753 đồng (rối loạn điều tiết). Các chi phí cụ thể như: Lác 138.615 ± 176.298 đồng, Viễn thị 151.041 ± 126.140 đồng, Cận thị 176.317 ± 148.456 đồng, Rối loạn khúc xạ khác 188.205 ± 211.432 đồng. Nhóm bệnh nhân tại Bệnh viện Mắt Hà Nội phải đồng chi trả ở mức cao hơn, đặc biệt với cận thị (21.629 ± 40.908 đồng) và rối loạn điều tiết (28.525 ± 33.360 đồng), trong khi tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông phần đồng chi trả lần lượt là 16.108 ± 36.687 và 13.547 ± 29.754 đồng.



Bệnh viện Đa khoa Hà Đông (A)



Bệnh viện Mắt Hà Nội (B)

Hình 1. Tỷ trọng các cấu phần chi phí điều trị ngoại trú các bệnh về mắt tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023

Hình 1 thể hiện tỷ trọng các cấu phần chi phí điều trị ngoại trú các bệnh về mắt tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023. Tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, Thuốc và dịch chiếm tỷ trọng lớn nhất, đặc biệt ở rối loạn điều tiết (50%) và cận thị (48%), phản ánh vai trò quan trọng của điều trị nội khoa.

Tại Bệnh viện Mắt Hà Nội, thuốc và dịch truyền chiếm tỷ trọng lớn nhất ở hầu hết các bệnh, như viễn thị (59,4%) và rối loạn điều tiết (57,0%). Tỷ trọng chi phí

phẫu thuật và thủ thuật cũng đáng kể ở bệnh lác (27,4%) và loạn thị (30,0%), phản ánh tính chất đặc thù của các bệnh cần can thiệp y khoa. Tiền công khám chiếm khoảng 15-20%. Sự khác biệt có thể do Bệnh viện Mắt Hà Nội tập trung vào các dịch vụ chuyên sâu và phẫu thuật, trong khi Bệnh viện Đa khoa Hà Đông ưu tiên điều trị nội khoa với chi phí thấp hơn. Sự khác biệt này phản ánh định hướng hoạt động và mức độ chuyên môn của mỗi bệnh viện.

Bảng 5. Chi phí điều trị nội trú trung bình lác và các tật khúc xạ theo đối tượng chi trả tại Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023 (Đơn vị: Đồng)

Đặc điểm	Chi phí trung bình
Giới tính	
Nam	1.789.565 ± 21.828
Nữ	1.586.033 ± 979.103
	0.22
Tuổi	
< 6 tuổi	2.033.300 ± 228.400
6 - 18 tuổi	1.118.665 ± 926.968
p	0.0001
Đối tượng chi trả	
BHYT thanh toán	1.648.918 ± 741.191
BN đồng chi trả	18.528 ± 41.430
Tổng chi phí trung bình	1.667.446 ± 701.333

Bảng 5 cho thấy chi phí điều trị nội trú trung bình tại Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023, phân theo giới tính, nhóm tuổi và đối tượng chi trả. Chi phí điều trị trung bình của nam cao hơn nữ (1.789.565 ± 21.828 đồng so với 1.586.033 ± 979.103 đồng). Trẻ dưới 6 tuổi có chi phí điều trị nội trú trung bình cao nhất (2.033.300 ± 228.400 đồng), gần gấp đôi so với nhóm trẻ 6-18 tuổi (1.118.665 ± 926.968 đồng). (p=0.0001)

Về đối tượng chi trả, phần lớn chi phí do BHYT thanh toán (1.648.918 ± 741.191 đồng), trong khi phần bệnh nhân đồng chi trả thấp (18.528 ± 41.430 đồng), cho thấy chính sách bảo hiểm đã góp phần giảm gánh nặng tài chính cho người bệnh. Tổng chi phí điều trị nội trú trung bình tại bệnh viện này là 1.667.446 ± 701.333 đồng, phản ánh mức chi phí hợp lý trong bối cảnh chăm sóc và điều trị chuyên khoa mắt cho trẻ em dưới 18 tuổi.

4. BÀN LUẬN

Từ các số liệu phân tích trên, chúng ta có thể nhìn thấy sơ bộ một bức tranh về thực trạng điều trị và chi phí liên quan lác và các tật khúc xạ tại Bệnh viện đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội trong năm 2023. Dữ liệu cho thấy sự khác biệt rõ rệt về số lượt điều trị và mức chi phí giữa các loại bệnh, đặc biệt là sự chênh lệch đáng kể theo giới tính và độ tuổi [7]. Lác và các tật khúc xạ là những vấn đề thị giác phổ biến, đặc biệt ở nhóm trẻ từ 6-18 tuổi, do đây là độ tuổi học đường dễ bị ảnh hưởng bởi yếu tố học tập và môi trường [8]. Về giới tính, nữ thường có tỷ lệ mắc cao hơn nam, có thể do nhu cầu thẩm mỹ và sự quan tâm đến sức khỏe thị lực cao hơn ở nữ [9]. Chi phí điều trị cho các tật này có sự chênh lệch đáng kể giữa các độ tuổi và giới tính, với trẻ nhỏ (dưới 6 tuổi) thường có chi phí cao hơn do yêu cầu chăm sóc và điều trị đặc thù [10]. Việc điều trị kịp thời giúp cải thiện thị lực, ngăn ngừa biến chứng lâu dài và giảm chi phí điều trị trong tương lai. Các phương pháp điều trị phổ biến bao gồm phẫu thuật, đeo kính, kính áp tròng và liệu pháp mắt, mỗi phương pháp có chi phí khác nhau [7]. Tuy nhiên, chi phí điều trị tật khúc xạ thường cao, khiến nhiều người không thể tiếp cận được các dịch vụ cần thiết. Những đối tượng như trẻ em, người thu nhập thấp cần sự hỗ trợ từ hệ thống y tế hoặc các chính sách chi trả.

Tại Việt Nam, theo khoản 7 và khoản 8 Điều 23 Luật Bảo hiểm y tế 2008, cùng với khoản 16 Điều 1 Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi năm 2014, các trường hợp điều trị lác, cận thị và các tật khúc xạ khác không được Bảo hiểm y tế chi trả, ngoại trừ trẻ em dưới 6 tuổi [4, 11]. Tuy nhiên, Luật số 51/2024/QH15, ban hành ngày 27/11/2024,

đã mở rộng phạm vi hỗ trợ cho các đối tượng mắc lác, cận thị và tật khúc xạ, đặc biệt là quy định về mở rộng độ tuổi điều trị lác, cận thị và tật khúc xạ của mắt đối với người dưới 18 tuổi để phù hợp về chỉ định chuyên môn và hiệu quả điều trị [6]. Chính sách mới này giúp người dân, đặc biệt là nhóm học đường, dễ dàng tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng, giảm thiểu gánh nặng tài chính và nâng cao chất lượng cuộc sống. Để thực hiện hiệu quả, nhà nước cần phân bổ ngân sách hợp lý cho quỹ Bảo hiểm y tế, mở rộng danh mục chi trả bao gồm các chi phí quan trọng như thuốc, kính mắt, chẩn đoán hình ảnh và phẫu thuật. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ, minh bạch để đảm bảo chính sách được thực thi đúng đối tượng. Chính sách này không chỉ giảm gánh nặng tài chính mà còn nâng cao hiệu quả điều trị, khẳng định sự cam kết của nhà nước trong việc xây dựng một hệ thống y tế toàn diện, công bằng và nhân văn, góp phần cải thiện chất lượng sống của người dân và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành y tế quốc gia [12].

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu dựa trên phơi thanh toán chi phí khám, chữa bệnh cho trẻ dưới 18 tuổi tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông và Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2023 cho thấy chi phí điều trị ngoại trú trung bình tại Bệnh viện Mắt Hà Nội lần lượt là: Lác 217.061 ± 148.843 đồng, Viễn thị 206.099 ± 158.581 đồng, Cận thị 273.706 ± 150.038 đồng, Loạn thị 234.936 ± 2.495 đồng, Rối loạn điều tiết 238.579 ± 102.469 đồng. Tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông, chi phí thấp hơn với Lác 138.615 ± 176.298 đồng, Viễn thị 151.041 ± 126.140 đồng, Cận thị 176.317 ± 148.456 đồng, Loạn thị 128.275 ± 101.270

đồng, Rối loạn điều tiết 188.902 ± 119.753 đồng, Rối loạn khúc xạ khác 188.205 ± 211.432 đồng. Chi phí điều trị nội trú trung bình tại Bệnh viện Mắt Hà Nội là $1.667.446 \pm 701.333$ đồng. Kết quả nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng định lượng quan trọng, làm cơ sở đề xuất chính sách bảo hiểm y tế mới nhằm mở rộng chi trả cho điều trị lác và các tật khúc xạ ở trẻ dưới 18 tuổi. Chính sách này sẽ góp phần giảm gánh nặng tài chính, đặc biệt đối với nhóm học đường, và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện Luật Bảo hiểm Y tế giai đoạn 2015-2020.
2. Le QN, Blizzard L, Si L, et al. The evolution of social health insurance in Vietnam and its role towards achieving universal health coverage. *Health Policy Open* 2020; 1: 100011.
3. Bảo Hiểm xã hội Việt Nam. Góc nhìn: bắt cập trong thực hiện chính sách, pháp luật về Bảo Hiểm Y Tế - thực trạng và giải pháp.
4. Quốc hội khoá XIII. Luật số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 06 năm 2014 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm Y tế.
5. Quốc hội khoá XV. Luật Khám Chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023.
6. Quốc hội khoá XV. Luật số 51/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo Hiểm Y Tế.
7. Bolinowska S. Hyperopia in preschool and school children. *Med Pregl* 2007; 60: 115-121.
8. Helveston EM. Understanding, detecting, and managing strabismus. *Community Eye Health* 2010; 23: 12-14.
9. Schiefer U, Kraus C, Baumbach P, et al. Refractive errors. *Dtsch Arztebl Int* 2016; 113: 693-702.
10. Zhang J, Wu Y, Sharma B, et al. Epidemiology and Burden of Astigmatism: A Systematic Literature Review. *Optom Vis Sci* 2023; 100: 218-231.
11. Quốc hội khoá XII. Luật Bảo hiểm Y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008.
12. Forse R, Yoshino CA, Nguyen TT, et al. Towards universal health coverage in Vietnam: a mixed-method case study of enrolling people with tuberculosis into social health insurance. *Health Res Policy Syst* 2024; 22: 40.